

ĐỘNG LỰC THỰC TIỄN MỞ RA XU THẾ HỘI NHẬP TRONG TÂM NHÌN NGÔN NGỮ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lai^{a*}

^aHội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Thái Bình Dương, Khánh Hòa, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: nguyenlaitt@yahoo.com

Lịch sử bài báo

Nhận ngày 20 tháng 02 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 03 năm 2018 | Chấp nhận đăng ngày 09 tháng 04 năm 2018

Tóm tắt

Tiếng Việt phát triển trong giao tiếp cách mạng của quảng đại quần chúng thời đại Hồ Chí Minh là một thứ tiếng Việt giàu động lực xã hội đang hành chức mạnh mẽ theo hướng ngôn ngữ học xã hội. Nó hoàn toàn không xa lạ với xu thế nghiên cứu chung trong tâm nhìn cập nhật hiện nay. Tại đây, sức mạnh thực tiễn tạo nên chiến lược ngôn từ của Hồ Chí Minh, vốn là kết tinh của quá trình trải nghiệm trong cách đặt hành động ngôn ngữ vào tương tác xã hội, đã trở thành chỗ dựa đáng tin cậy cho sự kiểm chứng những lí thuyết hội nhập đang được quan tâm... Phải chăng, chính tại đây, Hồ Chí Minh là người đầu tiên đã gợi mở cho chúng ta “cách thực tiễn hóa” chức năng ngôn ngữ, qua đó, đặt tiếng Việt giàu động lực xã hội thời đại Hồ Chí Minh vào lợi thế tối ưu của quá trình phát triển và hội nhập?

Từ khóa: Hành động ngôn ngữ trong tương tác xã hội; Quá trình phát triển và hội nhập; Tâm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh.

Mã số định danh bài báo: <http://tckh.dlu.edu.vn/index.php/tckhdhdl/article/view/467>

Loại bài báo: Bài báo nghiên cứu gốc có bình duyệt

Bản quyền © 2018 (Các) Tác giả.

Cấp phép: Bài báo này được cấp phép theo CC BY-NC-ND 4.0

REAL DRIVING FORCE PAVING THE WAY FOR A TREND OF INTEGRATION FOR HOCHIMINH'S LANGUAGE

Nguyen Lai^{a*}

^aThe Science and Training Council, Pacific Ocean University, Khanhhoa, Vietnam

**Corresponding author: Email: nguyenlaitt@yahoo.com*

Article history

Received: February 20th, 2018 | Received in revised form: March 20th, 2018

Accepted: April 9th, 2018

Abstract

The Vietnamese developed in the revolutionary communication of the general public in Hochiminh era is a powerful social language, with a strong orientation towards social linguistics. It is no stranger to the general trend of research in the current vision. Here, the real strength of Hochiminh's speech strategy, which is the crystallization of the experiential process of putting linguistic actions into social interactions, verifies the integration theories that are of interest. Was Hochiminh the first to suggest to us a way of putting linguistic functions into practice, giving the Vietnamese of the Hochiminh era an optimal advantage in the process of development and integration?

Keywords: Hochiminh's language vision; Linguistic action into socials interaction; Process of development and integration.

Article identifier: <http://tckh.dlu.edu.vn/index.php/tckhdhdl/article/view/467>

Article type: (peer-reviewed) Full-length research article

Copyright © 2018 The author(s).

Licensing: This article is licensed under a CC BY-NC-ND 4.0

1. XU THẾ HỘI NHẬP TỪ TẦM NHÌN THỰC TIỄN QUA SỰ CHỈ DẪN CÁCH DÙNG

Tầm nhìn ngôn ngữ của Hồ Chí Minh trước hết là tầm nhìn thực tiễn của người trực tiếp hành động cách mạng. Thông qua *cách dùng*, điều này đã chuyển hóa thành một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ. Trong mối liên hệ với xu thế hội nhập hiện nay, hình như chúng ta ngày càng nhận rõ hơn rằng, lí luận cập nhật đang được chia sẻ, thực ra, không phải là điều gì quá cao xa. Trái lại, đó là một tầm nhìn đang định hướng ngày càng cụ thể và triệt để vào *thực tiễn đời sống xã hội* - nơi vốn là *hiện trường tương tác* mà chính từ đó và qua đó, Hồ Chí Minh đã đúc kết trải nghiệm, đem lại sức sống thực tiễn cho *cách dùng* như một chiến lược ngôn từ trong tầm nhìn ngôn ngữ của Người: “*Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào?... Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... Khi nói, khi viết phải làm cho quần chúng hiểu, đều tin, đều quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình...*”.

Qua hệ thống *chỉ dẫn cách dùng* của Hồ Chí Minh, rõ ràng, chức năng ngôn ngữ ở đây trực tiếp định hướng hành động xã hội cho con người. Thời đại Hồ Chí Minh là thời đại vận động quảng đại quần chúng đứng lên trực tiếp hành động cách mạng. Chính động lực thực tiễn nằm trong sự *chỉ dẫn cách dùng* này là nhân tố đã tác động mạnh đến sự mở rộng chức năng của tiếng Việt vào môi trường tương tác xã hội, gắn liền với hành động cách mạng mang tính thời đại của quảng đại quần chúng. Nói cách khác, chiến lược ngôn từ được mặc định qua chỉ dẫn cách dùng của Hồ Chí Minh ở đây chính là sự rộng mở của một thứ tiếng Việt *manh mẽ* trong động lực xã hội cũng như *cụ thể* và *triệt để* trong định hướng hành động. Có thể nói, các khuynh hướng ngôn ngữ học mới mang tính dụng học ngày nay đang gặp *cách dùng* của Hồ Chí Minh chính ở quá trình nhận thức triệt để hơn về mục đích thực tiễn này.

Như vậy, mặc dù chưa mấy ai đề cập nhưng rõ ràng một tiền giả định chung quy định chức năng ngôn ngữ *trong tính triệt để về mặt định hướng hành động xã hội* của nó đã bắt đầu được chia sẻ. Theo tôi, chắc chắn không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà Lakoff và Johnson (1980) đã khuyến cáo chúng ta rằng khi nghiên cứu, cần xem người sử dụng ngôn ngữ nắm bắt khái niệm, hiểu nó và vận dụng như thế nào vào tương tác xã hội. Và, cũng như vậy, vì sao Halliday (1978) đã sớm nhấn mạnh: Cái cốt lõi của chức năng phải là “mục đích sử dụng”, là “biểu đạt nghĩa trong đời sống xã hội”, “biết ngôn ngữ là phải làm gì với ngôn ngữ”... Và, theo Stalnaker (1999) thì hành vi ngôn ngữ không phải là thủ tục nói năng, mà là kết quả hành động xã hội. Nếu không đặt mình vào tầm nhận thức trên thì ta dễ bị lạc hướng, khó có cơ sở để nhận ra một cách thực chất nhất đâu là tiền đề từ chiều sâu tạo ra quá trình hội nhập mà chúng ta đang muốn hướng tới.

2. TỪ HÀNH VI NGÔN NGỮ ĐẾN HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI

Khi đề cập vấn đề, do vậy, trước hết, chúng tôi không thể không nghĩ tới cách chỉ ra tác động của hệ thống *chỉ dẫn cách dùng*. Coi đó như một *chiến lược kích hoạt tương tác hành động xã hội* đang mặc định trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh vốn chưa

được chúng ta đặt vào thế hội nhập để khai thác: “*Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào? Mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cho được cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... Khi nói, khi viết phải làm cho quần chúng hiểu tin và quyết tâm làm theo lời kêu gọi của mình*”. Cách dùng trên của Hồ Chí Minh chính là sản phẩm đúc kết từ trải nghiệm thực tiễn qua hành động tương tác xã hội để tác động trở lại xã hội một cách chủ động và có ý thức.

Sự chỉ dẫn cách dùng trên, do vậy, nghĩ cho cùng, phải chăng cũng là cách “hành động ngôn ngữ” của chính Hồ Chí Minh. Với cách dùng được chỉ dẫn này, rõ ràng, Hồ Chí Minh tập trung chỉ dẫn chúng ta “hành động ngôn ngữ”. Hành động bằng cách hướng tác động ngôn ngữ thẳng vào con người đang hành động trong môi trường tương tác xã hội. Chẳng hạn, qua cách dùng “*gia đình quân đội nhân dân*”, “*gia đình các dân tộc anh em*”, phải chăng, ở đây, Hồ Chí Minh gợi lên một mẫu mực hành vi mới cần hướng tới cùng nhau đoàn kết như một gia đình. Coi đó như là “sự chia sẻ ý định và niềm tin” (Stalnaker, 1999) mà tương tác quan hệ xã hội mới đang cần hướng tới? Không làm rõ cơ chế mặc định này trong tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh với cách lí giải theo hướng trên, ta khó thấy sức mạnh thực tiễn nằm trong chiến lược ngôn từ (*wording strategy*) qua cách dùng của Hồ Chí Minh - một cách dùng hướng vào tương tác xã hội nhằm chỉ dẫn cho con người cách hành động xã hội thông qua ngôn ngữ để *biến hành vi ngôn ngữ thành hành động xã hội*.

Như mọi người đều biết, trong nghiên cứu, ai cũng muốn tìm cái mới trong ngôn ngữ Hồ Chí Minh. Nhưng theo chúng tôi, đúng vậy, cái mới của Người, mà chúng ta muốn hướng tới, không bao giờ chỉ nằm tư biện đơn thuần ở phạm trù cấu trúc hình thức. Chẳng hạn, vì sao trong tạo nghĩa, Hồ Chí Minh dùng yếu tố *nhân dân* để xác lập định danh *quân đội nhân dân*? Và cũng như vậy, vì sao Người lại dùng cụm từ *kính chúa yêu nước* để xác lập định danh mở rộng *đồng bào công giáo kính chúa yêu nước*. Phải chăng, qua trải nghiệm thực tiễn từ cảm quan của người hành động cách mạng, Hồ Chí Minh đã chủ động phát hiện phẩm chất mới được hình thành của quân đội và đồng bào công giáo, qua đó, Người muốn tôn vinh, kích thích làm cho phẩm chất ấy nơi con người ngày càng được rộng mở và hoàn thiện hơn để tích cực góp phần *tương tác trở lại* quá trình đấu tranh cách mạng.

Hạt nhân thực tiễn trong chiến lược cách dùng (*strategy in use*) qua tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh ở đây rõ ràng không thể giải thích tách rời với hiệu lực giao tiếp thông qua văn cảnh tương tác xã hội với ý nghĩa dụng học của nó. Hiểu như thế, ta mới nhận ra vì sao ngôn ngữ học tri nhận với xu thế hội nhập ngày nay “nghĩa học không tách rời khỏi cơ chế dụng học”.

Từ đó, chúng tôi hiểu rằng, trong mối liên hệ với dụng học ngày nay thì cách dùng nằm trong sự chỉ dẫn như một chiến lược ngôn từ của Hồ Chí Minh không đơn giản chỉ dừng lại ở nguyên tắc lí thuyết như xác định của Levinson (1983) thì dụng học nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh đã được mã hóa trong cấu trúc ngôn ngữ. Trái lại, với Hồ Chí Minh, sự chỉ dẫn cách dùng ở đây là sự chỉ dẫn cho con người cách

“hành động ngôn ngữ” *tại quá trình đang diễn ra tương tác xã hội*. Không có sự phân biệt tinh tế từ “tâm nhìn hành động” này thì khó nhận rõ được giá trị thực tiễn cốt lõi nhất đang nằm trong chiến lược ngôn từ Hồ Chí Minh. Như vậy, trong sự chỉ dẫn *cách dùng*, Hồ Chí Minh không dừng lại ở thể tĩnh tại với sự giải mã hình thái cấu trúc theo chiến lược ngữ pháp tính (*strategy in grammaticality*) mang tính học đường thời trước. Trái lại, nó được rộng mở vào văn cảnh hành động tương tác xã hội. Hiểu được điều này, ta càng có điều kiện suy nghĩ để thấu rõ hơn vì sao khi lí giải cơ chế nghĩa học (không tách rời với dụng học) từ chiều sâu văn cảnh với xu thế hội nhập hiện nay, các nhà nghiên cứu thường kêu gọi chúng ta “tái ngữ cảnh hóa” (*recontextualization*), trả lại “ngữ cảnh tình huống xã hội ngoài ngôn ngữ” (*extralinguistic situational context*) cho “ngữ cảnh văn bản” (*textual context*)? Về phương diện này, đúng như Halliday (1978) đã nêu rằng ngôn ngữ đặt vào tương tác xã hội ngày nay không phải là những câu có thể chấp nhận về mặt ngữ pháp, mà đây là một loại tài nguyên mang tính hệ thống dùng để tạo nghĩa theo văn cảnh (Duong, 2012; Lê & Nguyễn, 2010).

Không phải ngẫu nhiên, trong tự điển bách khoa, chính Crystal (1985) đã dẫn quan niệm của Halliday (1978) vào mục *văn cảnh* một cách cụ thể như sau: “Hallidayan context relates linguistic form to extralinguistic situation”. Và, nhìn rộng ra, đúng vậy, nếu lí giải những khuyến cáo trên trong sự cập nhật với cách dùng qua chiến lược ngôn từ của Hồ Chí Minh thì, phải chăng, nội hàm văn cảnh ở đây chính là hiện trường đang diễn ra hành động tương tác xã hội với cả ý định niềm tin đang được chia sẻ giữa những con người đang hành động tương tác (Stalnaker, 1999). Và càng đúng vậy, tại đây, nếu tách rời “ý định và niềm tin” ra khỏi nội hàm văn cảnh theo hướng hội nhập mới nhất này thì làm sao ta có thể giải thích được *thế nào* là “con đò kháng chiến”, *thế nào* là “hàng cây chống Mỹ” và *vì sao* Hồ Chí Minh dùng “gia đình các dân tộc anh em”, “gia đình quân đội nhân dân”? Cách tiếp cận trên đã làm sáng rõ hơn, *vì sao* ngày nay trong xu thế hội nhập chung, văn cảnh được nhìn theo hướng tích hợp trong thể lí giải từ chiều sâu. Và, từ đó, cũng không lạ, *tại sao* qua cách cập nhật của mình, Halliday (1978) đã cung cấp cho ta cách nhìn văn cảnh theo hướng đa cấp độ... *Văn cảnh vừa là hành vi xã hội, vừa là cấu trúc quan hệ, vừa là tổ chức tín hiệu* (Duong, 2012, tr. 8). Điều thú vị đối với chúng tôi ở đây là, cách nhìn văn cảnh theo hướng *quy chiếu lí thuyết* này của Halliday (1978) đang có sự tương ứng khá hợp lí với mô hình quy chiếu văn cảnh theo hướng *chỉ dẫn thực hành* nằm trong *chiến lược cách dùng* qua tầm nhìn ngôn ngữ Hồ Chí Minh: *Viết để làm gì, viết cho ai, viết như thế nào*. Sự trùng hợp thú vị được phát hiện trên chắc chắn không có gì là mâu thuẫn và khó hiểu. Nghĩ cho cùng, phải chăng, cả hai đều chính là tầm nhìn biện chứng từ chiều sâu lên bề mặt trong cách nhận dạng *trạng thái hành động ngôn ngữ*. Và trường hợp này, nói theo Austin (1963) thì chỉ khi nào nằm trong văn cảnh tương tác xã hội thì hành vi ngôn ngữ mới đích thực trở thành hành động xã hội.

3. VỪA CHỨNG MINH LÝ THUYẾT ĐỒNG THỜI CŨNG VỪA KIỂM CHỨNG LÝ THUYẾT TRONG THỂ HỘI NHẬP

Từ quan điểm thực tiễn của mình, trước hết, Hồ Chí Minh quan tâm đến đối tượng tiếp nhận là quảng đại quần chúng một cách toàn diện và triệt để. Ở đây, Hồ Chí Minh

không trực tiếp nêu ra *lí thuyết xác lập thông tin phản hồi hai chiều* theo cách diễn giải của giới lí luận ngày nay. Nhưng, từ nhiệt tình hành động cách mạng, Người đã triết đề hướng chúng ta vào *hiệu lực cuối cùng* của quá trình giao tiếp qua cách tạo nghĩa từ chiều sâu của một *đường lối quần chúng cách mạng* dành cho ngôn ngữ. Tức là, ở đây, muốn *viết như thế nào* người viết không thể không biết *viết để làm gì và viết cho ai*, và khi *viết cho ai*, người viết không thể không biết *mỗi câu nói, mỗi chữ viết phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ao ước của quần chúng... và ... trước khi nói cho quần chúng hiểu phải hiểu quần chúng*.

Qua cách tạo nghĩa liên hoàn mang tính biện chứng từ hệ thống mô hình, rõ ràng, Hồ Chí Minh luôn tính đến tâm lí và nguyện vọng của quần chúng. Lấy đó làm tiền đề phản hồi cho quá trình định hướng và xác lập thông tin nhằm tạo hiệu lực tối ưu cho yêu cầu giao tiếp... Phải chăng, tính triết đề về một đường lối quần chúng trong *chiến lược ngôn từ* (qua mô hình chỉ dẫn của Hồ Chí Minh) đã hội nhập vào lí thuyết xác lập *thông tin hai chiều* hiện nay chính là ở cơ chế vừa nêu. Như vậy, nhiệt tình cách mạng và tầm nhìn thực tiễn của Hồ Chí Minh chính là động lực đã biến *sự chỉ dẫn cách dùng* thành một *chiến lược ngôn từ* nằm đúng vào tầm ngắm liên thông của xu thế hội nhập. Trong trường hợp này, để lí giải đúng tầm nhìn Hồ Chí Minh, rõ ràng, chúng ta không thể tách rời cơ chế xác lập thông tin theo hướng phản hồi của lí thuyết thông tin hiện đại.

Qua trải nghiệm, chúng tôi ngày càng thấy rõ: Nếu không đi vào thế hội nhập ngày nay một cách thực chất từ chiều sâu thì - *về mặt xuất phát điểm khoa học* - ta khó có một cảm hứng mạnh mẽ để phát hiện đầy đủ sự rộng mở chức năng mới của một thứ *tiếng Việt giàu động lực xã hội* qua cách chỉ dẫn của Hồ Chí Minh. Nên nhớ rằng, với quan điểm thực tiễn sâu sắc của mình, Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở chức năng giao tiếp và nhận thức theo sách vở kinh điển, Người còn triết đề hướng chức năng ngôn ngữ vào *hiệu lực đích thực cuối cùng* mà người trực tiếp hành động cách mạng phải hướng tới...., “hiểu”, “tin” và “làm” (đúng vậy, “hiểu”, “tin” để mà “làm”)... *Khi nói khi viết phải làm cho quần chúng đều “hiểu” đều “tin”, đều “quyết tâm làm” theo lời kêu gọi của mình...* Đây đích thực là một chân lí trải nghiệm ngôn ngữ điển hình của người hành động cách mạng. Cái giá trị mang tính chiến lược ngôn từ giàu ý nghĩa hành động thực tiễn cần thấu triết ở đây phải chăng chính là *sự mở rộng tối đa chức năng xã hội của ngôn ngữ* đồng thời cũng là sự đòi hỏi *trách nhiệm xã hội tối cao* đối với người sử dụng... Tại đây, trong tính hiện thực của nó, rõ ràng, Hồ Chí Minh đã gọi mở “cách thực tiễn hóa” tầm nhìn kinh điển. Và tại đây, tầm *chỉ dẫn mang tính chiến lược* này đồng thời cũng chính là nhân tố đã tác động mạnh mẽ đến sự mở rộng cơ chế nội hàm chức năng tiếng Việt thời đại Hồ Chí Minh trong tính xã hội lịch sử hết sức cụ thể của nó.

Và, đúng vậy, theo chúng tôi, chỉ có làm sáng tỏ vấn đề theo hướng lí giải trên, cuối cùng, ta mới đích thực nhận ra “chân lí cách mạng không tách rời giá trị khoa học” nằm trong tầm nhìn thực tiễn qua “chiến lược ngôn từ của Hồ Chí Minh” chính là động lực đã tạo ra lợi thế tối ưu “vừa phát triển vừa hội nhập” cho tiếng Việt thời đại Hồ Chí Minh.

4. KẾT LUẬN

Có thể nói hạt nhân thực tiễn của *cách dùng* trong chiến lược ngôn từ Hồ Chí Minh là một động lực ẩn chứa nhiều tiềm năng lí luận, có sức mạnh lan tỏa trên nhiều mặt hoạt động ngôn ngữ tiếng Việt thời đại Hồ Chí Minh. Trước hết, nó đặt tiếng Việt vào thể hành động để biến hành vi ngôn ngữ thành hành động xã hội, qua đó, tiếng Việt lần đầu tiên được quần chúng hóa và xã hội hóa cao độ. Mặt khác, đây cũng chính là tiền đề đưa cách nhìn *tham chiếu ngữ pháp tính* mang nặng tính học đường trở về quỹ đạo *tham chiếu cách dùng* gắn đích thực với tương tác xã hội trong quan niệm của người nghiên cứu.

Tiếng Việt phát triển trong giao tiếp cách mạng của quảng đại quần chúng thời đại Hồ Chí Minh với sức mạnh thực tiễn nói trên là một thứ tiếng Việt hành chức mạnh mẽ theo hướng ngôn ngữ học xã hội. Nó hoàn toàn không xa lạ với xu thế nghiên cứu chung trong tâm nhìn cập nhật đang được chia sẻ hiện nay. Tại đây, sức mạnh của hạt nhân thực tiễn vốn tạo nên chiến lược ngôn từ của Hồ Chí Minh này còn là hiện thân của nhiều dự báo dễ thấy về mặt lí thuyết, đồng thời cũng là chỗ dựa đáng tin cậy cho sự kiểm chứng những lí thuyết cập nhật đã được nêu trong cách chia sẻ của chúng ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Austin, J. L. (1962). *How to do things with words*. Oxford, UK: Oxford University Press.
- Crystal, D. (1985). *A dictionary of linguistics and phonetics* (4th Ed.). Oxford, UK: Oxford University Press.
- Dương, T. T. (2012). Về hành vi ngôn ngữ trong ngữ cảnh. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, (3), 1-11.
- Halliday, M. A. K. (1978). *Language as social semiotic: The social interpretation of language and meaning*. Texas, USA: University Park Press.
- Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Chúng ta sống bằng ẩn dụ*. (Nguyễn, T. K. T., Dịch giả). TP. Hồ Chí Minh: NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Levinson, C. S. (1983). *Pragmatics*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- Lê, V. C., & Nguyễn, T. N. (2010). Noam Chomsky và Michael Halliday. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, (12), 1-9.
- Nguyễn, L. (1997). *Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, L. (2003). *Tiếng Việt và nhà văn hóa lớn Hồ Chí Minh*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật. (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập*. Hà Nội, Việt Nam: NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật.

NXB. Giáo dục. (1984). *Những cơ sở triết học trong ngôn ngữ học*. (Trúc, T., Dịch giả).
Hà Nội, Việt Nam: NXB. Giáo dục.

Stalnaker, R. C. (1999). *Context and content*. Oxford, UK: Oxford University Press.